

**Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



## MỤC LỤC

*Trang*

Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

ÁC

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (“Công ty”) là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 9 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, 37 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Tan Thean Oon Dennis	Chủ tịch
Bà Jackie Chew Pei Pei	Thành viên
Ông Phương Tiến Minh	Thành viên
Ông Trần Quang Hoan	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Phương Tiến Minh	Tổng Giám đốc Điều hành	
Ông Masatoshi Edo	Chuyên gia Tính toán	
Bà Đào Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc Khối Tuân thủ, Pháp lý, Rủi ro	bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2023
Ông Matthew Fredrick Hunt	Phó Tổng giám đốc Rủi ro	miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Giang	Phó Tổng Giám đốc Giao dịch Bảo hiểm	
Bà Bùi Thị Thanh Thúy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự	
Ông Nguyễn Thọ Nam	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đối tác	
Bà Trần Khiết Thi (Mandy Trần)	Phó Tổng Giám đốc Chiến lược	miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2023
Bà Hứa Mỹ Mỹ	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đại lý	miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2023
Bà Trần Khiết Thi (Mandy Trần)	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đại lý	bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2023
Ông Trần Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc Marketing	
Ông Trần Lê Quốc Sơn	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Phương Tiến Minh, chức danh Tổng Giám đốc Điều hành.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

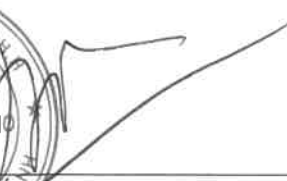

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty:

Phường Tiên Minh  
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 8 năm 2023

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 01a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>49.799.475</b>	<b>48.119.481</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>9.210.991</b>	<b>6.755.319</b>
1. Tiền	111		3.510.005	3.862.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.700.986	2.892.981
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>31.243.390</b>	<b>31.984.342</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		31.245.297	31.984.684
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.907)	(342)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.269.694</b>	<b>9.323.242</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.137.640	3.645.192
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	<b>6</b>	3.137.159	3.643.997
1.2 Phải thu khác của khách hàng	131.2		481	1.195
2. Trả trước cho người bán	132		117.466	45.657
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	<b>7</b>	6.028.840	5.646.645
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(14.252)	(14.252)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>45.306</b>	<b>22.793</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.306	22.793
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.094</b>	<b>33.785</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.481	32.874
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	1.613	911
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>118.229.838</b>	<b>113.630.954</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>78.605</b>	<b>67.658</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	<b>8</b>	78.605	67.658
1.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		20.000	20.000
1.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		58.605	47.658
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>406.524</b>	<b>249.084</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	53.656	49.208
Nguyên giá	222		341.119	325.625
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(287.463)	(276.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	63.918	81.454
Nguyên giá	228		342.299	337.652
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(278.381)	(256.198)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>11</b>	288.950	118.422
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>112.641.668</b>	<b>108.924.111</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000	25.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		112.616.668	108.899.111
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.103.041</b>	<b>4.390.101</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		51.163	39.655
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>19</b>	306.865	293.691
3. Tài sản dài hạn khác	268	<b>13</b>	4.745.013	4.056.755
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>168.029.313</b>	<b>161.750.435</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 01a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>147.317.146</b>	<b>142.380.317</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.141.735</b>	<b>11.572.909</b>
1. Phải trả người bán	312		9.035.603	9.299.691
1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	8.777.340	9.068.009
1.2 Phải trả khác cho người bán	312.2		258.263	231.682
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15 (b)	136.132	273.396
3. Phải trả người lao động	315		1.119	203.994
4. Chi phí phải trả	316	16	1.508.894	1.442.015
5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	17	459.987	353.813
<i>Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	319.1		225.772	252.300
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>136.175.411</b>	<b>130.807.408</b>
1. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		25.109	25.048
2. Dự phòng nghiệp vụ	344	18	136.150.302	130.782.360
2.1 Dự phòng toán học	344.1		119.165.091	115.616.581
2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng	344.2		561.520	653.751
2.3 Dự phòng bồi thường	344.3		2.346.454	2.204.965
2.4 Dự phòng chia lãi	344.4		13.726.607	11.990.092
2.5 Dự phòng đảm bảo cân đối	344.5		262.437	246.263
2.6 Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	344.7		88.193	70.708
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>	<b>20</b>	<b>20.712.167</b>	<b>19.370.118</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>20.712.167</b>	<b>19.370.118</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		6.397.750	6.397.750
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		639.775	595.126
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.674.642	12.377.242
3.1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		12.377.242	8.922.253
3.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.297.400	3.454.989
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>168.029.313</b>	<b>161.750.435</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 01a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1. Ngoại tệ (USD & GBP)	576	283
2. Hợp đồng thuê hoạt động	453.850	458.895

Tạ Minh Trí  
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên  
Kế toán trưởng



Phương Tiến Minh  
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 8 năm 2023

1  
T  
H  
H  
A  
T  
A  
S  
=

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 02a-DNNT

(Ban hành theo

Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phần I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	12.644.383	13.783.004
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	5.559.891	1.636.799
3. Thu nhập khác	13	12.149	4.618
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	12.322.616	8.233.690
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	264.417	260.568
6. Chi phí bán hàng	23	2.739.365	3.006.636
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.288.637	1.118.486
8. Chi phí khác	25	214	156
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24 - 25)	50	1.601.174	2.804.885
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	272.299	575.023
11. Chi phí/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	(13.174)	(26.855)
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	1.342.049	2.256.717

Tạ Minh Trí  
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Minh  
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 8 năm 2023



# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)

Mẫu B 02a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phần 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 – 01.3)</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>12.933.899</b>	<b>14.016.181</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		12.841.668	13.998.787
- (Tăng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	01.3		(92.231)	(17.394)
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>02</b>	<b>22</b>	<b>295.117</b>	<b>243.472</b>
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)</b>	<b>03</b>		<b>12.638.782</b>	<b>13.772.709</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>04</b>		<b>5.601</b>	<b>10.295</b>
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>12.644.383</b>	<b>13.783.004</b>
<b>6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm</b>	<b>11</b>		<b>5.977.863</b>	<b>4.570.715</b>
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>210.787</b>	<b>112.865</b>
<b>8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc</b>	<b>13</b>		<b>5.460.171</b>	<b>2.526.278</b>
<b>9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13)</b>	<b>15</b>	<b>23</b>	<b>11.227.247</b>	<b>6.984.128</b>
<b>10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)</b>	<b>16</b>	<b>24</b>	<b>1.095.369</b>	<b>1.249.562</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	16.1		1.093.472	1.240.585
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.2		1.897	8.977
<b>11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)</b>	<b>17</b>		<b>12.322.616</b>	<b>8.233.690</b>
<b>12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 – 17)</b>	<b>18</b>		<b>321.767</b>	<b>5.549.314</b>
<b>13. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>22</b>	<b>25</b>	<b>5.559.891</b>	<b>1.636.799</b>
<b>14. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>23</b>	<b>26</b>	<b>264.417</b>	<b>260.568</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)

Mẫu B 02a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
15. Lợi nhuận hoạt động tài chính (24 = 22 - 23)	24		5.295.474	1.376.231
16. Chi phí bán hàng	25	27	2.739.365	3.006.636
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.288.637	1.118.486
18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 - 25 - 26)	30		1.589.239	2.800.423
19. Thu nhập khác	31		12.149	4.618
20. Chi phí khác	32		214	156
21. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		11.935	4.462
22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.601.174	2.804.885
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	272.299	575.023
24. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	29	(13.174)	(26.855)
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.342.049	2.256.717

Tạ Minh Trí  
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên  
Kế toán trưởng



Phùng Tiến Minh  
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 8 năm 2023

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.601.174</b>	<b>2.804.885</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		35.453	33.115
Các khoản dự phòng	03		5.370.329	2.520.509
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.825)	(390)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.557.492)	(1.635.933)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.447.639</b>	<b>3.722.186</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(198.856)	2.170.821
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(22.513)	(3.371)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(304.818)	413.507
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(7.115)	8.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(398.663)	(171.159)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>515.674</b>	<b>6.140.895</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác	21		(192.906)	(71.849)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50	524
Tiền chi tạm ứng cho chủ hợp đồng, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.558.849)	(6.980.304)
Tiền thu hồi tạm ứng cho chủ hợp đồng, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.540.506	4.450.076
Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng và mua chứng khoán vốn	25		(17.240.472)	(13.884.157)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và bán chứng khoán vốn	26		21.235.459	8.942.654
Tiền thu lãi tiền gửi cố tức và lợi nhuận được chia	27		4.155.138	3.229.044
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.938.926</b>	<b>(4.314.012)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ vốn góp của nhà đầu tư	31		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.454.600	1.826.883
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	6.755.319	10.992.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.072	55
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	9.210.991	12.819.439

Tạ Minh Trí  
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên  
Kế toán trưởng



Phạm Liên Minh  
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 8 năm 2023

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 9 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, 37 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 25 văn phòng, chi nhánh và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.673 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.615 người).

Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán.	100%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty con đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2.2 Hình thức sổ sách kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”).

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động bảo hiểm và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì và sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### 3.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản theo các tỷ lệ như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	3 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Đồ đạc và trang thiết bị	4-6 năm
Phần mềm vi tính	4-8 năm

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 3.8 Các khoản đầu tư

### 3.8.1 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong phần “Các khoản đầu tư ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo lãi suất được Công ty công bố từng thời kỳ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### 3.8.2 Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty.

### 3.8.3 Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (bao gồm quỹ chủ sở hữu, quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, quỹ chủ hợp đồng không tham gia chia lãi, quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện)

#### Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư này đại diện cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Những khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Sau thời điểm ghi nhận ban đầu, những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Chiết khấu và phụ trội phát sinh từ việc mua trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

#### Chứng khoán vốn

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên Sàn chứng khoán dành cho công ty đại chúng chưa niêm yết (“UpCom”) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi giá thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường tăng sau khi dự phòng đã được ghi nhận và chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

### 3.8.4 Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị

Công ty đã áp dụng các chính sách để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ chứng khoán (“Thông tư 98”). Công ty đã áp dụng các chính sách sau đây để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, tất cả các khoản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý và lãi và lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư được ghi nhận là một phần của thu nhập tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định tại ngày báo cáo như sau:

▪ *Trái phiếu niêm yết:*

Các trái phiếu này được định giá lại dựa trên giá niêm yết bình quân gia quyền (còn được gọi là “giá sạch”) hoặc các điều khoản tương tự theo quy định của sở giao dịch chứng khoán trên nền tảng giao dịch mua bán thông thường vào ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo.

Nếu không có giao dịch nào trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo thì giá trị hợp lý của trái phiếu là giá mua tại ngày báo cáo do các bên định giá độc lập cung cấp. Trong trường hợp không có báo giá thị trường hiện tại, trái phiếu niêm yết được định giá lại theo giá trị sau theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá giao dịch cuối cùng được sử dụng trong lần định giá trước đó được giữ nguyên cho đến khi có giá giao dịch mới hoặc giá được định giá bởi bên định giá cung cấp. Giá cũ này phải được theo dõi và sử dụng theo chính sách Giá cũ.
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty.
- Mệnh giá.
- Giá mua.

▪ *Trái phiếu chưa niêm yết:*

Trái phiếu chưa niêm yết là trái phiếu không được giao dịch trên các sàn giao dịch đã được công nhận. Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết tại ngày báo cáo được xác định bằng cách sử dụng giá sạch do các bên định giá độc lập cung cấp.

▪ *Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UpCom:*

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết (được niêm yết trên HOSE hoặc HNX) và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UpCom là giá đóng cửa trên HOSE hoặc HNX hoặc Upcom tại ngày giao dịch gần nhất cho đến ngày báo cáo. Nếu không có giá thị trường trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo, giá trị hợp lý sẽ được xác định theo thứ tự sau đây:

- Giá mới nhất hiện có (giá cũ) được sử dụng trong lần định giá trước đó và không quá 90 ngày;
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty;
- Giá trị sổ sách được xác định theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;
- Giá mua.

Tuy nhiên, cổ phiếu đầu tư bằng quỹ mới cho mục đích thiết lập quỹ mới trong tháng 11 năm 2022 trước khi có chấp thuận của Bộ Tài chính để chào bán chính thức cho chủ hợp đồng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi giá thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường tăng sau khi dự phòng đã được ghi nhận và chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

▪ *Tiền gửi có kỳ hạn:*

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng được ghi nhận theo giá gốc, xấp xỉ giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này.



# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 3.9 Tài sản dài hạn khác

### 3.9.1 Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng

Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng theo thỏa thuận phân phối với ngân hàng thương mại được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ dựa trên tỷ lệ giữa doanh số kế hoạch dự kiến từng năm so với tổng doanh số kế hoạch trong thời hạn hiệu lực của thỏa thuận phân phối.

### 3.9.2 Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị và quảng bá

Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị và quảng bá theo thỏa thuận phân phối với ngân hàng thương mại được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ hàng tháng.

## 3.10 Các khoản phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác

Các khoản phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

## 3.11 Lợi ích của nhân viên

### 3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu, ốm đau và thai sản

Trợ cấp nghỉ hưu, ốm đau và thai sản được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Công ty khi nghỉ hưu hoặc ốm đau, thai sản. Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội theo quy định.

### 3.11.2 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

### 3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo quy định Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

## 3.12 Dự phòng nghiệp vụ

Các khoản dự phòng nghiệp vụ bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng (“UPR”), dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi, dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết và dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập phù hợp với các nguyên tắc tính toán bảo hiểm được chấp nhận chung và các quy định cụ thể trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”), Thông tư 01/2019/TT-BTC ngày 2 tháng 1 năm 2019; thông tư 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Công văn 16349 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 52/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, Thông tư 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, Thông tư 115/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 3.12.1 Dự phòng toán học

Dự phòng toán học được tính toán cho từng hợp đồng bảo hiểm cụ thể và dự phòng được tính toán cho mỗi hợp đồng bảo hiểm phải lớn hơn hoặc bằng không (0). Dự phòng toán học được trích lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm (ngoại trừ các hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư và hợp đồng bảo hiểm hưu trí), được tính bằng cách sử dụng các kỹ thuật tính phí theo phương pháp phí bảo hiểm thuần được chấp nhận rộng rãi. Việc xác định lãi suất kỹ thuật và dự phòng cho mức tử vong được ấn định tại một mức thận trọng và đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

### a) Đối với các sản phẩm truyền thống

Đối với các sản phẩm truyền thống với mức điều chỉnh hệ số Zillmer là 3%, phí bảo hiểm thuần được sử dụng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.

Lãi suất kỹ thuật tối đa được áp dụng như sau:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm được phát hành từ ngày 16 tháng 2 năm 2019, lãi suất kỹ thuật tối đa không thể vượt quá mức tối thiểu của:
  - 80% lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong vòng 24 tháng cho đến ngày báo cáo;
  - tỷ suất đầu tư bình quân của 4 (bốn) quý liền kề trước đó của doanh nghiệp bảo hiểm; và
  - lãi suất tính phí của từng sản phẩm bảo hiểm.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm được phát hành trước ngày 16 tháng 2 năm 2019, mức lãi suất kỹ thuật tối đa bằng:
  - Trong năm 2019: 40% A + 60% B
  - Trong năm 2020: 60% A + 40% B
  - Trong năm 2021: 80% A + 20% B
  - Trong năm 2022: 100% A

Trong đó:

A = 80% lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong vòng 24 tháng cho đến ngày báo cáo.

B = 70% lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong vòng 6 tháng cho đến ngày báo cáo.

### b) Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung

Giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3.8.3, hoặc Giá trị hoàn lại,

*cộng*

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết,

*cộng*

Dự phòng rủi ro bảo hiểm là tổng số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng,

*cộng*

Dự phòng cho quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và thưởng tri ân khách hàng.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## c) Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị

Giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3.8.4, cộng  
Phí bảo hiểm chưa phân bổ,  
cộng  
Dự phòng rủi ro bảo hiểm là tổng số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng.

## d) Đối với hợp đồng bảo hiểm hưu trí

Giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3.8.3, cộng  
Dự phòng rủi ro bảo hiểm là tổng số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng.

### 3.12.2 Dự phòng phí chưa được hưởng

- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm Bảo hiểm Tử kỳ gia hạn hàng năm được trích lập theo phương pháp 1/24 theo Công văn số 7824/BTC-QLBH ngày 2 tháng 6 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ viện phí và phẫu thuật được trích lập theo phương pháp 1/24 theo Công văn số 917/BTC-QLBH ngày 17 tháng 1 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm bảo hiểm Phú – Toàn Gia Hưng Thịnh (phí bảo hiểm đóng định kỳ) được trích lập theo phương pháp 1/24 theo Công văn số 12088/BTC-QLBH ngày 28 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm Bảo hiểm Tai nạn dành cho trẻ em được trích lập theo phương pháp 1/8 theo Công văn số 14087/BTC-QLBH ngày 19 tháng 10 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em được trích lập theo phương pháp 1/8 theo Công văn số 14087/BTC-QLBH ngày 19 tháng 10 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm Bảo hiểm tử kỳ với quyền lợi bệnh ung thư gia hạn hàng năm được trích lập theo phương pháp 1/24 theo Công văn số 8912/BTC-QLBH ngày 4 tháng 7 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ bảo vệ sức khỏe ưu việt và sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ bảo vệ sức khỏe cơ bản được trích lập theo phương pháp 1/8 theo Công văn số 670/BTC-QLBH ngày 17 tháng 1 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm bảo hiểm tai nạn cá nhân (24/7) được trích lập theo phương pháp 1/24 theo Công văn số 13599/BTC-QLBH ngày 5 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành.
- Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm bảo hiểm tử kỳ với quyền lợi bảo hiểm tình trạng tổn thương theo mức độ được trích lập theo phương pháp 1/24 theo Công văn số 6882/BTC-QLBH ngày 18 tháng 7 năm 2022 do Bộ Tài chính ban hành.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 3.12.3 Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường.

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết được ước tính cho các trường hợp bồi thường đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết tại ngày báo cáo. Dự phòng bồi thường cũng bao gồm các dự phòng bồi thường khác (như dự phòng cho các hợp đồng đang được miễn thu phí, đang được trả quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng cho các hợp đồng giáo dục mà bên mua bảo hiểm đã tử vong (bao gồm các sản phẩm Phú – An Gia Thành Tài, Phú – Đăng Khoa Thành Tài, Pru-Tương Lai Tươi Sáng, dự phòng cho việc hủy hợp đồng khi đang trong giai đoạn cân nhắc).
- Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc chưa yêu cầu bồi thường tại ngày báo cáo. Dự phòng bồi thường IBNR áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một (01) năm trở xuống và gia hạn hàng năm theo quy định của Thông tư 50. Dự phòng bồi thường IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% của trung bình phí bảo hiểm quy năm cho 12 tháng của các hợp đồng còn hiệu lực theo Công văn số 917/BTC-QLBH ngày 17 tháng 1 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành và tỷ lệ 3% của doanh thu phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng cho các sản phẩm sức khỏe theo cơ sở kỹ thuật của sản phẩm đã được phê duyệt theo Công văn số 670/BTC-QLBH ngày 17 tháng 1 năm 2020 và Công văn số 13599/BTC-QLBH ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính.

## 3.12.4 Dự phòng chia lãi

Dự phòng chia lãi bao gồm 2 loại:

- Dự phòng cho phần lãi đã công bố: bằng giá trị hiện tại của tổng các khoản bảo tức tích lũy đã công bố tính đến năm tài chính hiện hành, với cơ sở trích lập áp dụng tương tự như cơ sở trích lập dự phòng toán học.
- Dự phòng cho phần lãi chưa công bố: Dự phòng cho phần lãi chưa công bố (UPR) được sử dụng cho mục đích chia thêm lãi cho chủ hợp đồng trong tương lai.  
Dự phòng cho phần lãi chưa công bố = Dự phòng cho phần lãi năm trước + Dự phòng cho phần lãi năm nay- Lãi đã công bố trong năm hiện tại.

Việc trích lập dự phòng cho phần lãi chưa công bố phải đảm bảo nguyên tắc:

- Mức trích lập hàng năm của dự phòng này không được vượt quá 10% tổng thặng dư của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi phát sinh trong năm đó; và
- Tổng giá trị của dự phòng cho phần lãi chưa công bố tại mọi thời điểm không được vượt quá 0,5% nhân với thời hạn còn lại trung bình của các hợp đồng có tham gia chia lãi nhân với tổng mức trách nhiệm của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi tại thời điểm đó.

## 3.12.5 Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập bằng 1% lợi nhuận trước thuế và tối đa là 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của công ty bảo hiểm.

## 3.12.6 Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết là khoản dự phòng cho các trường hợp khi tỷ lệ hoàn vốn đầu tư của Công ty thấp hơn mức lãi suất cam kết cho các chủ hợp đồng như được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được thiết lập ở mức chênh lệch giữa thu nhập đầu tư thực tế của Công ty và thu nhập đầu tư theo lãi suất đã cam kết với các chủ hợp đồng theo quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được trích lập theo phương pháp phù hợp với Công Văn 16349.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 3.13 *Quỹ dự trữ bắt buộc*

Quỹ dự trữ bắt buộc được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm cho đến khi số dư quỹ này đạt 10% vốn điều lệ dựa theo Nghị định 73.

## 3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VND của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

## 3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### 3.15.1 *Phí bảo hiểm*

Phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm). Phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm đã đến hạn nộp phí nhưng chưa thu được, trừ phí bảo hiểm không bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị được ghi nhận khi Công ty nhận được, và không bao gồm phí bảo hiểm trả trước hạn.

Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

### 3.15.2 *Hoạt động tái bảo hiểm*

Phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Các khoản có thể thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính phù hợp với các khoản bồi thường đã trả phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm liên quan. Các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm không miễn trừ Công ty khỏi các nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

Tài sản hoặc công nợ tái bảo hiểm được ghi giảm khi các quyền theo hợp đồng bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực, hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho một bên khác.

### 3.15.3 *Doanh thu các hoạt động tài chính*

#### a) *Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại và trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

## c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

## d) Lãi/(lỗ) chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý với biến động của giá trị hợp lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.16 Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác

Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác bao gồm khoản chi trả đáo hạn, quyền lợi tiền mặt định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong. Quyền lợi đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi tiền mặt định kỳ được ghi nhận khi các khoản thanh toán định kỳ đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thanh toán. Chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

### 3.17 Chi phí khai thác bảo hiểm

Tất cả các chi phí phát sinh trong năm từ việc phát hành hợp đồng bảo hiểm mới và gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận là một khoản chi phí khi phát sinh. Không có khoản chi phí khai thác bảo hiểm chờ phân bổ nào được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

### 3.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 3.19 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới là nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND
Tiền	3.510.005	3.862.338
Tiền mặt tại quỹ	1.805	2.189
Tiền gửi ngân hàng thanh toán	3.393.219	3.599.495
Tiền đang chuyển	114.981	260.654
Các khoản tương đương tiền (i)	5.700.986	2.892.981
	<b>9.210.991</b>	<b>6.755.319</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng	Triệu VND	Số lượng	Triệu VND
Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị				
<i>Chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UpCom</i>	393.003.066	13.811.160	272.682.286	11.547.212
<i>Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm</i>		461.944		496.119
<i>Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị</i>		-		-
<i>Chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Upcom</i>		10.787.243		14.152.490
<i>Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm</i>		6.184.950		5.788.863
<i>Tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại</i>				
		31.245.297		31.984.684
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)		(1.907)		(342)
		<b>31.243.390</b>		<b>31.984.342</b>

(i) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn phản ánh dự phòng giảm giá các chứng khoán đầu tư từ các quỹ. Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	342		5.003	
Dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 25)	1.565		-	
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 25)	-		(4.661)	
Số dư cuối kỳ	<b>1.907</b>		<b>342</b>	



# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 6. PHẢI THU VỀ PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> <i>Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> <i>Triệu VND</i>
Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng	3.137.159	3.643.997
	<b>3.137.159</b>	<b>3.643.997</b>

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> <i>Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> <i>Triệu VND</i>
Lãi phải thu	5.861.335	5.413.845
Phải thu từ các đại lý	26.741	25.427
Tạm ứng cho người lao động	323	629
Phải thu khác	140.441	206.744
	<b>6.028.840</b>	<b>5.646.645</b>

## 8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> <i>Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> <i>Triệu VND</i>
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc (i)	20.000	20.000
Ký quỹ cho hợp đồng thuê	50.023	39.019
Ký quỹ khác	8.582	8.639
	<b>78.605</b>	<b>67.658</b>

- (i) Ký quỹ bảo hiểm là khoản tiền ký quỹ được tính 2% trên vốn pháp định theo quy định tại Nghị định 73. Khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc có sự chấp thuận trước bởi Bộ Tài chính. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với số tiền là 20.000 triệu VND được dùng làm khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19/12/2014 của  
Bộ Tài chính)

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Năng cấp tài sản thuê Triệu VND	Đồ đạc và thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyên Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	117.375	201.796	6.454	325.625
Tăng trong năm	-	14.410	3.015	17.425
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	306	-	-	306
Thanh lý	-	-	(2.071)	(2.071)
Xóa sổ	-	(166)	-	(166)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	117.681	216.040	7.398	341.119
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	101.567	170.351	4.499	276.417
Khấu hao trong năm	5.479	7.309	482	13.270
Thanh lý	-	-	(2.071)	(2.071)
Xóa sổ	-	(153)	-	(153)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	107.046	177.507	2.910	287.463
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	15.808	31.445	1.955	49.208
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	10.635	38.533	4.488	53.656

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 256.463 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2022: 223.337 triệu VND).

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm vi tính</i> <i>Triệu VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	337.652
Tăng trong năm	87
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	4.560
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	342.299
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	256.198
Khấu hao trong năm	22.183
Thanh lý	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	278.381
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	<b>81.454</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	<b>63.918</b>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 255.812 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 (31/12/2022: 247.428 triệu VND).

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	<i>Ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2023</i> <i>Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i> <i>Triệu VND</i>
Số dư đầu kỳ	118.422	73.019
Tăng trong kỳ	175.394	80.090
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(306)	(3.967)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(4.560)	(30.720)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>288.950</b>	<b>118.422</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng	Triệu VND	Số lượng	Triệu VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments		25.000		25.000
<b>Các khoản đầu tư dài hạn khác</b>				
<b>Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị (a)</b>				
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	5.301.718	639.915	2.890.000	283.302
<i>Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	550.000	63.958	550.000	58.129
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	27.120	55.873	27.220	62.256
<i>Tiền gửi ngân hàng dài hạn (c)</i>		300.572		123.072
<b>Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (b)</b>				
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	552.709.935	61.701.551	498.921.653	56.176.267
<i>Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	53.220.000	5.514.547	55.670.000	5.774.454
<i>Trái phiếu đô thị</i>	8.600.000	889.927	8.600.000	891.716
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	9.636.811	15.311.545	9.637.436	15.374.061
<i>Tiền gửi ngân hàng dài hạn (c)</i>		28.138.780		30.155.854
		<b>112.641.668</b>		<b>108.924.111</b>

### (a) Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị

Theo quy định hiện hành, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đầu tiên được bán, Công ty phải đảm bảo tổng giá trị quỹ liên kết đơn vị không thấp hơn 100.000 triệu VND. Trường hợp phí bảo hiểm thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị không đáp ứng được quy định này, Công ty phải sử dụng một phần quỹ chủ sở hữu để hình thành các tài sản ban đầu của quỹ liên kết đơn vị (“quỹ môi”). Công ty có thể được hoàn trả một phần hoặc toàn bộ tiền đã đóng góp nếu tổng giá trị quỹ liên kết đơn vị không thấp hơn 100.000 triệu VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng giá trị quỹ môi đã đóng góp và thu nhập lũy kế từ hoạt động đầu tư từ quỹ chủ sở hữu của Công ty là 211.596 triệu VND (31/12/2022: 212.049 triệu VND). Giá trị này đã bao gồm 200.000 triệu VND được chuyển bổ sung từ quỹ chủ sở hữu để thành lập quỹ liên kết đơn vị mới vào ngày 21 tháng 11 năm 2022.

### (b) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị

#### Quỹ liên kết chung

Theo quy định hiện hành, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm liên kết chung đầu tiên được bán, Công ty phải đảm bảo tổng giá trị quỹ liên kết chung không thấp hơn 50.000 triệu VND. Trường hợp phí bảo hiểm thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung không đáp ứng được quy định này, Công ty phải sử dụng một phần quỹ chủ sở hữu để hình thành các tài sản ban đầu của quỹ liên kết chung (“quỹ môi”). Công ty có thể được hoàn trả một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu tổng giá trị quỹ liên kết chung không thấp hơn 50.000 triệu VND.

#### Quỹ hưu trí tự nguyện

Theo quy định hiện hành, Công ty phải đảm bảo tổng giá trị quỹ hưu trí tự nguyện không thấp hơn 200.000 triệu VND từ quỹ chủ sở hữu (“quỹ môi”). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng giá trị quỹ môi đã đóng góp và thu nhập lũy kế từ hoạt động đầu tư từ quỹ chủ sở hữu của Công ty là 266.663 triệu VND (31/12/2022: 262.625 triệu VND).

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền gửi dài hạn tại các ngân hàng**

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc nhiều hơn một năm.

**13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>
Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng trả trước (i)	4.363.808	3.924.161
Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị và quảng bá (ii)	381.205	132.594
	<b>4.745.013</b>	<b>4.056.755</b>

**(i) Biến động phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng trả trước trong năm như sau:**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>
Số dư đầu năm	3.924.161	3.970.835
Tăng trong năm	484.495	20.000
Phân bổ trong năm	(44.848)	(66.674)
Số dư cuối năm	<b>4.363.808</b>	<b>3.924.161</b>

**(ii) Biến động của ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị trong năm như sau:**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>
Số dư đầu năm	132.594	232.573
Tăng trong năm	277.800	27.800
Phân bổ trong năm	(29.189)	(127.779)
Số dư cuối năm	<b>381.205</b>	<b>132.594</b>

**14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>
Quyền lợi bảo hiểm phải trả vào ngày đáo hạn	5.133.908	4.781.798
Hoa hồng, thưởng và hỗ trợ phải trả cho đại lý	2.788.516	3.460.000
Quyền lợi tiền mặt định kỳ phải trả	443.660	426.889
Tiền thưởng cho chủ hợp đồng bảo hiểm	151.947	133.047
Các khoản phải trả bồi thường đã phê duyệt	117.991	124.112
Phí nhượng tái bảo hiểm phải trả	122.367	100.460
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	359	601
Phải trả khác	18.592	41.102
	<b>8.777.340</b>	<b>9.068.009</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 15. THUẾ PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP TỪ NHÀ NƯỚC

### (a) Thuế phải thu từ Nhà nước

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.613	911
	<b>1.613</b>	<b>911</b>

### (b) Thuế phải nộp cho Nhà nước

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.384	198.748
Thuế thu nhập cá nhân	40.735	73.229
Thuế giá trị gia tăng	4	4
Các loại thuế khác	23.009	1.415
	<b>136.132</b>	<b>273.396</b>

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Phí tư vấn và dịch vụ chuyên môn	284.607	396.817
Chi phí tiếp thị	321.571	352.404
Tiền thưởng đại lý	174.323	183.518
Tiền thưởng và phúc lợi khác cho nhân viên	300.402	174.980
Chi phí công nghệ thông tin	261.492	126.171
Hội nghị và sự kiện	51.428	69.392
Chi phí khác	115.071	138.733
	<b>1.508.894</b>	<b>1.442.015</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Các khoản phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
▪ Phí bảo hiểm tạm thu	180.337	203.190
▪ Phí bảo hiểm nhận trước	45.435	49.110
Phải trả ngắn hạn khác		
▪ Phải trả các công ty liên quan (i)	201.721	81.610
▪ Phải trả khác	32.494	19.903
	<b>459.987</b>	<b>353.813</b>

(i) Phải trả các công ty liên quan bao gồm:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Phải trả cho công ty con		
▪ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	67.245	59.164
Phải trả các công ty liên quan khác		
▪ Prudential Corporation Holdings Limited	43.108	10.844
▪ Prudential Service Asia Sdn Bhd	4.714	76
▪ Prudential Service Singapore Ltd	-	-
▪ Pulse Ecosystems Pte Ltd	82.268	6.287
▪ Các công ty khác	4.386	5.239
	<b>201.721</b>	<b>81.610</b>

Các khoản phải trả cho công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản phí quản lý quỹ và phí dịch vụ, phải trả trong vòng 10 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

## 18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>	<i>Thay đổi dự phòng trong kỳ Triệu VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>
Dự phòng toán học (i)	115.616.581	3.548.510	119.165.091
Dự phòng phí chưa được hưởng	653.751	(92.232)	561.520
Dự phòng bồi thường	2.204.965	141.489	2.346.454
Dự phòng chia lãi	11.990.092	1.736.515	13.726.607
Dự phòng đảm bảo cân đối	246.263	16.175	262.437
Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	70.708	17.485	88.193
	<b>130.782.360</b>	<b>5.367.942</b>	<b>136.150.302</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, dự phòng toán học bao gồm các khoản dự phòng phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm tương ứng với giá trị tài khoản như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Chủ hợp đồng bảo hiểm quỹ liên kết đơn vị	15.925.827	13.964.612
Chủ hợp đồng bảo hiểm quỹ liên kết chung	7.720.491	7.130.256
Chủ hợp đồng bảo hiểm quỹ hưu trí	1.780	1.688
	<b>23.648.098</b>	<b>21.096.556</b>

## 19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Chi phí phải trả	301.779	288.403
Các khoản dự phòng	5.022	5.010
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	64	278
	<b>306.865</b>	<b>293.691</b>



# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÓ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp Triệu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	6.397.750	413.284	8.922.253	15.733.287
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	112.836	(112.836)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.256.717	2.256.717
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6.397.750	526.120	11.066.134	17.990.004
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	6.397.750	595.126	12.377.242	19.370.118
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	44.649	(44.649)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.342.049	1.342.049
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6.397.750	639.775	13.674.642	20.712.167

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Phí bảo hiểm gốc, trong đó:	13.195.253	14.273.313
▪ Bảo hiểm liên kết đầu tư	7.606.391	8.264.954
▪ Bảo hiểm hỗn hợp	4.117.639	4.488.271
▪ Sản phẩm bổ trợ	1.059.346	1.108.000
▪ Bảo hiểm sức khỏe	309.172	250.598
▪ Bảo hiểm tử kỳ	84.413	140.523
▪ Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	18.196	20.859
▪ Bảo hiểm hưu trí	96	108
Phí bảo hiểm được hoàn lại	(353.585)	(274.526)
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>12.841.668</b>	<b>13.998.787</b>
Tăng dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của bảo hiểm gốc (Thuyết minh 18)	92.231	17.394
	<b>12.933.899</b>	<b>14.016.181</b>

## 22. PHÍ NHƯỢNG TÀI BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Bảo hiểm hỗn hợp	81.441	76.584
Sản phẩm bổ trợ	82.358	70.389
Bảo hiểm sức khỏe	90.096	56.546
Bảo hiểm liên kết đầu tư	35.486	31.191
Bảo hiểm tử kỳ	5.638	8.567
Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	98	195
	<b>295.117</b>	<b>243.472</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác	5.977.863	4.570.715
trong đó:		
▪ <i>Bảo hiểm hỗn hợp</i>	3.291.689	2.842.084
▪ <i>Bảo hiểm liên kết đầu tư</i>	2.256.517	1.373.890
▪ <i>Sản phẩm bổ trợ</i>	262.344	242.855
▪ <i>Bảo hiểm sức khỏe</i>	96.232	49.278
▪ <i>Bảo hiểm nhân thọ trọn đời</i>	48.257	37.087
▪ <i>Bảo hiểm tử kỳ</i>	22.808	25.520
▪ <i>Bảo hiểm hưu trí</i>	16	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(210.787)	(112.865)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	5.460.171	2.526.278
	<b>11.227.247</b>	<b>6.984.128</b>

## 24. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Chi hoa hồng bảo hiểm	1.093.472	1.240.585
Chi phí giám định bồi thường	1.724	997
Tiền phí đóng vào quỹ bảo vệ người được bảo hiểm và các chi phí khác cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	173	7.980
	<b>1.095.369</b>	<b>1.249.562</b>

## 25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Thu nhập lãi từ:	4.290.465	3.578.267
<i>Trái phiếu</i>	2.382.654	2.261.430
<i>Khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị     hoàn lại</i>	255.736	217.692
<i>Tiền gửi tại các ngân hàng</i>	1.652.075	1.099.145
Phân bổ phụ trội của các trái phiếu	(223.410)	(232.692)
(Lỗ)/lãi từ việc bán các chứng khoán đầu tư	(449.066)	398.511
Lãi/(lỗ) chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị	1.627.290	(2.180.345)
Cổ tức	312.163	71.668
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.449	1.390
	<b>5.559.891</b>	<b>1.636.799</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5)	1.565	10.790
Quyền lợi tiền mặt định kỳ trả cho chủ hợp đồng	101.836	91.434
Chi phí hoạt động đầu tư trong đó:	161.018	158.344
<i>Phí quản lý đầu tư</i>	108.801	104.754
<i>Chi phí khác</i>	52.217	53.590
	<b>264.419</b>	<b>260.568</b>

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Chi phí đại lý trong đó:	2.182.455	2.412.228
<i>Tiền thưởng và trợ cấp</i>	946.555	1.502.933
<i>Chi phí hỗ trợ</i>	1.217.746	890.822
<i>Chi phí tuyển dụng và đào tạo</i>	18.154	18.473
Chi phí bán hàng khác	556.910	594.408
	<b>2.739.365</b>	<b>3.006.636</b>

## 28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Lương và chi phí liên quan	788.572	639.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.839	242.526
Chi phí văn phòng phẩm, công cụ và thiết bị	67.769	67.220
Chi phí dịch vụ từ vùng	88.025	64.464
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.720	25.768
Thuế, phí và lệ phí	5.862	5.034
Chi phí khác	42.850	74.030
	<b>1.288.637</b>	<b>1.118.486</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong năm 2023 (2022: 20%).

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	272.299	575.023
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(13.174)	(26.855)
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.125</b>	<b>548.168</b>

### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.601.174	2.804.885
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2022: 20%)		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.323	1.525
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(62.433)	(14.334)
Chi phí thuế TNDN ước tính	259.125	548.168
Chi phí thuế TNDN	<b>259.125</b>	<b>548.168</b>

### *Thu nhập thuế TNDN hoãn lại*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Chi phí phải trả	13.376	26.966
Các khoản dự phòng	12	(99)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(214)	(12)
<b>Tổng cộng thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>13.174</b>	<b>26.855</b>

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNLT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19/12/2014 của  
Bộ Tài chính)

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 Triệu VND</i>
Prudential Corporation Holdings Limited	Công ty mẹ	Góp vốn bằng tiền Dịch vụ cung cấp cho Công ty Chi phí Công ty trả hộ Chi phí trả hộ cho Công ty	88.025 753 27.926 88.025	64.464 114 263.327 64.464
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	Công ty con	Phí quản lý ủy thác đầu tư Phí quản lý quỹ Dịch vụ do Công ty cung cấp Chi phí Công ty trả hộ Phí dịch vụ khác Cổ tức được nhận	108.801 7.731 1.759 628 15.275 200.000	104.754 7.606 350 357 15.102 -
Easpsring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan khác	Phí thẩm định tín dụng Phí tư vấn	4.751 3.873	6.915 3.810
Prudential Services Asia Sdn Bhd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty	4.723	-
Prudential Services Singapore Pte Ltd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty	17.332	-
Pulse Ecosystems Pte Ltd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty	310.542	-
Thành viên của Ban Giám đốc và Hội đồng Thành viên		Tiền lương và các phúc lợi khác	66.611	57.602

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 31. CAM KẾT

### (a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Được duyệt và đã ký kết hợp đồng	830.809	301.870

### (b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu VND</i>
Trong vòng một năm	128.640	144.844
Trong vòng hai đến năm năm	325.210	314.051
	<b>453.850</b>	<b>458.895</b>

C. T.  
G. T. Y.  
H. H.  
N. H. A. N.  
E. N. T. I. A.  
N. A. M.  
H. O. C.

# Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(tiếp theo)




Mẫu B 09a-DNNT  
(Ban hành theo  
Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 32. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1.	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	29,64	29,75
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,24	0,15
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70,36	70,25
2.	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,67	88,02
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,33	11,98
3.	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán hiện hành <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	4,47	4,16
	Khả năng thanh toán nhanh <i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,83	0,58
4.	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,95	1,82
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,61	16,37
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,48	12,54

## 33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

		
Tạ Minh Trí Kế toán báo cáo	Phạm Bích Liên Kế toán trưởng	Phương Tiên Minh Tổng giám đốc điều hành



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 8 năm 2023